



Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ABS-DVCK25

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 04/2025**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty CP chứng khoán An Bình xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM
4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BDB			BDB
10	BED			BED
11	BKC			BKC
12	BPC			BPC
13	BSC			BSC
14	BST			BST
15	BTW			BTW
16	BVS			BVS
17	BXH			BXH
18	CAP			CAP
19	CCR			CCR
20	CDN			CDN
21	CEO			CEO
22	CIA			CIA
23	CKV			CKV

24	CLH			CLH
25	CLM			CLM
26	CMS			CMS
27	CPC			CPC
28	CSC			CSC
29	CTB			CTB
30	CTT			CTT
31	CX8			CX8
32	D11			D11
33	DAD			DAD
34	DAE			DAE
35	DC2			DC2
36	DHP			DHP
37	DHT			DHT
38	DL1			DL1
39	DNC			DNC
40	DNP			DNP
41	DP3			DP3
42	DTD			DTD
43	DTK			DTK
44	DVM			DVM
45	DXP			DXP
46	EBS			EBS
47	EID			EID
48	GDW			GDW
49	GIC			GIC
50	GKM	GKM		
51	GMX			GMX
52	HAD			HAD
53	HAT			HAT
54	HBS			HBS
55	HCC			HCC
56	HGM			HGM
57	HHC			HHC
58	HJS			HJS
59	HLC			HLC
60	HMR			HMR
61	HTC			HTC
62	HUT			HUT
63	HVT			HVT

64	IDC			IDC
65	IDV			IDV
66	INC			INC
67	INN			INN
68	IPA			IPA
69	IVS			IVS
70	KMT			KMT
71	KSF			KSF
72	KST			KST
73	L14			L14
74	LAS			LAS
75	LHC			LHC
76	LIG			LIG
77	MBS			MBS
78	MCC			MCC
79	MCF			MCF
80	MCO			MCO
81	MDC			MDC
82	MEL			MEL
83	MKV			MKV
84	MVB			MVB
85	NAG			NAG
86	NAP			NAP
87	NBC			NBC
88	NBP	NBP		
89	NBW			NBW
90	NET			NET
91	NFC			NFC
92	NSH			NSH
93	NST			NST
94	NTH			NTH
95	NTP			NTP
96	PBP			PBP
97	PCE			PCE
98	PCH			PCH
99	PCT			PCT
100	PDB			PDB
101	PGN			PGN
102	PGS			PGS
103	PIA			PIA

104	PIC			PIC
105	PLC			PLC
106	PMB			PMB
107	PMC			PMC
108	PMP			PMP
109	PMS			PMS
110	POT			POT
111	PPP			PPP
112	PPS			PPS
113	PPY			PPY
114	PRC			PRC
115	PRE			PRE
116	PSC			PSC
117	PSD			PSD
118	PSE			PSE
119	PSI			PSI
120	PSW			PSW
121	PTS			PTS
122	PVB			PVB
123	PVC			PVC
124	PVG			PVG
125	PVI			PVI
126	PVS			PVS
127	QHD			QHD
128	QST			QST
129	RCL			RCL
130	S55			S55
131	S99			S99
132	SAF			SAF
133	SCG			SCG
134	SCI			SCI
135	SD5			SD5
136	SD9			SD9
137	SDC			SDC
138	SDN			SDN
139	SEB			SEB
140	SED			SED
141	SGC			SGC
142	SHE			SHE
143	SHN			SHN

144	SHS			SHS
145	SJ1			SJ1
146	SJE			SJE
147	SLS			SLS
148	SMN			SMN
149	STC			STC
150	SVN			SVN
151	SZB			SZB
152	TA9			TA9
153	TDT			TDT
154	TET			TET
155	THD			THD
156	THS			THS
157	THT			THT
158	TIG	TIG		
159	TMB			TMB
160	TMC			TMC
161	TNG			TNG
162	TOT			TOT
163	TPH			TPH
164	TPP			TPP
165	TSB			TSB
166	TTC			TTC
167	TTT			TTT
168	TV4			TV4
169	TVD			TVD
170	UNI			UNI
171	V12			V12
172	VBC			VBC
173	VC3			VC3
174	VC6			VC6
175	VC7			VC7
176	VCC			VCC
177	VCS			VCS
178	VGS			VGS
179	VHE			VHE
180	VIF			VIF
181	VMS			VMS
182	VNC			VNC
183	VNR			VNR

184	VSA			VSA
185	VSM			VSM
186	VTH			VTH
187	VTZ			VTZ
188	WCS			WCS

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hồ Chí Minh

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BBC			BBC
15	BCG	BCG		
16	BCM			BCM
17	BFC			BFC
18	BHN			BHN
19	BIC			BIC
20	BID			BID
21	BKG			BKG
22	BMC			BMC
23	BMI			BMI
24	BMP			BMP
25	BRC			BRC
26	BSI			BSI
27	BTP			BTP
28	BTT			BTT

29	BVH			BVH
30	BWE			BWE
31	CCI			CCI
32	CCL			CCL
33	CDC			CDC
34	CHP			CHP
35	CII			CII
36	CLC			CLC
37	CLW			CLW
38	CMG			CMG
39	CMV			CMV
40	CNG			CNG
41	COM			COM
42	CRC			CRC
43	CSM			CSM
44	CSV			CSV
45	CTD			CTD
46	CTF			CTF
47	CTG			CTG
48	CTI			CTI
49	CTR			CTR
50	CTS			CTS
51	CVT			CVT
52	DAT			DAT
53	DBC			DBC
54	DBD			DBD
55	DBT			DBT
56	DCL			DCL
57	DCM			DCM
58	DGC			DGC
59	DGW			DGW
60	DHA			DHA
61	DHC			DHC
62	DHG			DHG
63	DHM			DHM
64	DIG			DIG
65	DPG			DPG
66	DPM			DPM
67	DPR			DPR
68	DRC			DRC
69	DRL			DRL
70	DSN			DSN
71	DTA			DTA
72	DTT			DTT
73	DVP			DVP

74	DXG			DXG
75	E1VFN30			E1VFN30
76	EIB			EIB
77	ELC			ELC
78	EVF			EVF
79	FIR			FIR
80	FMC			FMC
81	FPT			FPT
82	FRT			FRT
83	FTS			FTS
84	FUEMAV30			FUEMAV30
85	FUESSV30			FUESSV30
86	FUESSVFL			FUESSVFL
87	FUEVFN30			FUEVFN30
88	FUEVN100			FUEVN100
89	GAS			GAS
90	GDT			GDT
91	GEG			GEG
92	GEX			GEX
93	GMD			GMD
94	GMH			GMH
95	GSP			GSP
96	GTA			GTA
97	GVR			GVR
98	HAH			HAH
99	HAP			HAP
100	HAX			HAX
101	HCD			HCD
102	HCM			HCM
103	HDB			HDB
104	HDC			HDC
105	HDG			HDG
106	HHP			HHP
107	HHS			HHS
108	HHV			HHV
109	HMC			HMC
110	HPG			HPG
111	HQC			HQC
112	HRC			HRC
113	HSG			HSG
114	HSL			HSL
115	HTI			HTI
116	HTL			HTL
117	HTN			HTN
118	HTV			HTV

119	HUB			HUB
120	HVH			HVH
121	IDI			IDI
122	IJC			IJC
123	ILB			ILB
124	IMP			IMP
125	ITC			ITC
126	KBC			KBC
127	KDC			KDC
128	KDH			KDH
129	KHG			KHG
130	KHP			KHP
131	KMR			KMR
132	KOS			KOS
133	KSB			KSB
134	L10			L10
135	LAF			LAF
136	LBM			LBM
137	LCG			LCG
138	LGC			LGC
139	LHG			LHG
140	LIX			LIX
141	LM8			LM8
142	LPB			LPB
143	LSS			LSS
144	MBB			MBB
145	MCP			MCP
146	MIG			MIG
147	MSB			MSB
148	MSH			MSH
149	MSN			MSN
150	MWG			MWG
151	NAB			NAB
152	NAF			NAF
153	NAV			NAV
154	NBB			NBB
155	NCT			NCT
156	NHA			NHA
157	NHH			NHH
158	NHT			NHT
159	NKG			NKG
160	NLG			NLG
161	NNC			NNC
162	NSC			NSC
163	NTL			NTL

164	OCB			OCB
165	OPC			OPC
166	ORS	ORS		
167	PAC			PAC
168	PAN			PAN
169	PC1			PC1
170	PDN			PDN
171	PDR			PDR
172	PET			PET
173	PGC			PGC
174	PGD			PGD
175	PGI			PGI
176	PHC			PHC
177	PHR			PHR
178	PJT			PJT
179	PLX			PLX
180	PNC			PNC
181	PNJ			PNJ
182	POW			POW
183	PPC			PPC
184	PTB			PTB
185	PVD			PVD
186	PVP			PVP
187	PVT			PVT
188	REE			REE
189	S4A			S4A
190	SAB			SAB
191	SAM			SAM
192	SBA			SBA
193	SBT			SBT
194	SCR			SCR
195	SCS			SCS
196	SFC			SFC
197	SFG			SFG
198	SFI			SFI
199	SGN			SGN
200	SGT			SGT
201	SHA			SHA
202	SHB			SHB
203	SHI			SHI
204	SHP			SHP
205	SIP			SIP
206	SJD			SJD
207	SJS			SJS
208	SKG			SKG

209	SMB			SMB
210	SRC			SRC
211	SSB			SSB
212	SSC			SSC
213	SSI			SSI
214	ST8			ST8
215	STB			STB
216	STG			STG
217	SVC			SVC
218	SVI			SVI
219	SVT			SVT
220	SZC			SZC
221	SZL			SZL
222	TBC			TBC
223	TCB			TCB
224	TCD	TCD		
225	TCH			TCH
226	TCL			TCL
227	TCM			TCM
228	TCO			TCO
229	TCT			TCT
230	TDG			TDG
231	TDM			TDM
232	TDP			TDP
233	TDW			TDW
234	TEG			TEG
235	THG			THG
236	TIP			TIP
237	TIX			TIX
238	TLG			TLG
239	TMP			TMP
240	TMS			TMS
241	TN1			TN1
242	TNC			TNC
243	TNH			TNH
244	TNT			TNT
245	TPB			TPB
246	TRA			TRA
247	TRC			TRC
248	TTA			TTA
249	TV2			TV2
250	TVS			TVS
251	TVT			TVT
252	UIC			UIC
253	VCB			VCB

254	VCF			VCF
255	VCG			VCG
256	VCI			VCI
257	VDP			VDP
258	VDS			VDS
259	VFG			VFG
260	VGC			VGC
261	VHC			VHC
262	VHM			VHM
263	VIB			VIB
264	VIC			VIC
265	VID			VID
266	VIP			VIP
267	VIX			VIX
268	VJC			VJC
269	VND			VND
270	VNG			VNG
271	VNM			VNM
272	VNS			VNS
273	VOS			VOS
274	VPB			VPB
275	VPD			VPD
276	VPG			VPG
277	VPI			VPI
278	VPS			VPS
279	VRC			VRC
280	VRE			VRE
281	VSC			VSC
282	VSH			VSH
283	VSI			VSI
284	VTO			VTO
285	VTP			VTP
286	YBM			YBM
287	YEG			YEG

- Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://www.abs.vn/bao-cao-thang-gui-so-ck-vn-t04-2025/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này

-Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Người lập

Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hường